

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 27-08-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;
Ông Võ Minh Quang.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2024/QĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Quách Việt T, sinh năm: 1949.

Bà Bùi Thị C, sinh năm: 1953.

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phan Thúy K, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 10/4/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Quách Việt T là ông Tăng Tấn L – Luật sư - Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C.

Bị đơn: Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm: 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (con ông T1).

- Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1990; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (con ông T1).

- Anh Nguyễn Phương Đ, sinh năm: 1992; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (con ông T1).

- Anh Nguyễn Bảo A, sinh năm: 2003; Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau (con ông T1).

- Cụ ông Nguyễn Văn T2; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (cha ông T1).

Chị K, Luật sư L, bà H, anh Bảo A có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2003, ông Quách Việt T và bà Bùi Thị C có cho ông Nguyễn Thành T3 (chết) và vợ là bà Nguyễn Mỹ H mượn 16 lượng vàng 24k. Từ khi mượn đến nay có trả được 3,5 lượng vàng 24k. Nay ông T3 chết, ông T và bà C yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H cùng người thừa kế của ông Nguyễn Thành T3 là cụ ông Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Ngọc N, anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Phương Đ và anh Nguyễn Bảo A có trách nhiệm liên đới trả cho ông T và bà C 12,5 lượng vàng 24k.

Ngày 19/7/2024 đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến bổ sung là phía bị đơn còn nợ 11,3 lượng vàng 24k; thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới cùng bà H thanh toán; đồng ý với bà H là để một mình bà H thanh toán cho ông T và bà C 11,3 lượng vàng 24k.

Tại biên bản ghi lời trình bày của đương sự ngày 03/5/2024, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Thành T3 có nợ vàng của vợ chồng ông Quách Việt T 16 lượng vàng 24k, đã trả được 4,7 lượng vàng 24k; hiện còn nợ 11,3 lượng vàng 24k. Ông T3 chết, nên trách nhiệm trả nợ là của bà H không liên quan đến cha chồng và các con của ông bà. Bà H đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông T 11,3 lượng vàng 24k.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Phương Đ, anh Nguyễn Bảo A, cụ ông Nguyễn Văn T2, Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định các đương sự không có văn bản trả lời vụ án.

- Chị Nguyễn Ngọc N từ chối nhận văn bản tố tụng, vì cho rằng không có liên quan và có văn bản gửi cho Tòa án qua đường bưu điện không ký tên.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T trình bày: Không yêu cầu đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán. Đồng ý với bà H là số vàng còn nợ là 11,3 lượng vàng 24k và đồng ý để một mình bà H thanh toán 11,3 lượng vàng 24k.

Bị đơn bà H trình bày: Bà H vẫn bảo lưu ý kiến trình bày trước đây, đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông T 11,3 lượng vàng 24k (mười một lượng, ba chỉ vàng 24k), xin trả từ từ như trước đây 01 năm trả 01 lượng. Việc nợ không liên quan đến cha chồng và các con ông bà nên bà H không yêu cầu những người này cùng liên đới thanh toán.

Anh Bảo A trình bày: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu, không yêu cầu anh liên đới thanh toán nợ nên anh không có ý kiến.

Ý kiến kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H thanh toán cho nguyên đơn 11,3 lượng vàng 24k; án phí miễn cho bị đơn, vì là con Liệt sĩ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Thành T3, bà Nguyễn Mỹ H có vay nợ vợ chồng ông Quách Việt T vào năm 2003, đến năm 2011 thì ông bà có làm tờ cam kết và hứa trả dần 05 chỉ/năm đến khi hết nợ. Năm 2023 ông T3 chết khoảng nợ vợ chồng ông T chưa trả hết; nay vợ chồng ông T khởi kiện đòi lại và xác định bà H là bị đơn, hàng thừa kế thứ nhất của ông T3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Thanh D, anh Nguyễn Phương Đ, cụ ông Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Ngọc N được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn

vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với các đương sự là có căn cứ.

Về nội dung:

[1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Vợ chồng ông **T** khởi kiện yêu cầu bà **H** và hàng thừa kế của ông **T3** thanh toán số vàng vay, xác định quan hệ pháp luật là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Vợ chồng ông **T** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Mỹ H** hoàn trả 11,3 lượng vàng 24k do vợ chồng bà **H** đã vay mượn. Bà **H** thừa nhận vợ chồng bà có mượn vợ chồng ông **T** 16 lượng vàng 24k, có trả nhiều lần được 4,7 lượng vàng hiện tại còn nợ 11,3 lượng vàng 24k; căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do phía bà **H** xác nhận có nợ và đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông **T** và được người đại diện hợp pháp của vợ chồng ông **T** đồng ý. Như vậy có căn cứ khẳng định vợ chồng bà **H** nợ vàng vợ chồng ông **T** là có thật, nên buộc bà **H** thanh toán là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu thực hiện nghĩa vụ liên đới, vợ chồng ông **T** yêu cầu bà **H** và hàng thừa kế thứ nhất của ông **T3** cùng có trách nhiệm liên đới trả 11,3 lượng vàng 24k. Quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu, không yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán, việc thay đổi yêu cầu của đại diện nguyên đơn được bị đơn bà **Nguyễn Mỹ H** đồng ý nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông **Nguyễn Việt T4** trình bày là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên đề nghị là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông **Quách Việt T**, buộc bà **Nguyễn Mỹ H** hoàn trả cho vợ chồng ông **T** 11,3 lượng vàng 24k (mười một lượng, ba chỉ).

[6] Xét yêu cầu bà **H** về việc xin trả nợ mỗi năm 01 lượng vàng 24k cho đến khi hết nợ, thấy rằng yêu cầu của bà **H** không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, mà thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí

- Chi phí sao lục hồ sơ 250.000 đồng đại diện nguyên đơn đồng ý chịu nộp, đã nộp tạm ứng 250.000 đồng được chuyển thu.

- Án phí: Bà **H** phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần thực hiện nghĩa vụ cho vợ chồng ông **T** là 11,3 lượng vàng 24k (Bình quân 75.600.000 đồng/lượng x 11,3 lượng = 854.280.000 đồng) án phí là 37.628.400 đồng; bà **H** có đơn xin miễn án phí vì bà là con liệt sĩ, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí có giá ngạch cho bà **H**.

Nguyên đơn là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông **Quách Việt T** và bà **Bùi Thị C** về việc khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Mỹ H** thanh toán vàng vay còn nợ.

Buộc bà **Nguyễn Mỹ H** thanh toán cho ông **Quách Việt T** và bà **Bùi Thị C** 11,3 lượng vàng 24k (mười một lượng ba chỉ).

- Chi phí sao lục hồ sơ 250.000 đồng nguyên đơn chịu, đã nộp tạm ứng 250.000 đồng được chuyển thu.

- Về án phí: Miễn án phí có giá ngạch cho bà **Nguyễn Mỹ H**.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính